

Số: 1601/QĐ-ĐHGD

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành kế hoạch đào tạo năm thứ nhất
áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa QH-2021-S**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Giáo dục ban hành theo Quyết định số 568/QĐ-TCCB ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 1481/ĐHGD-ĐT ngày 16 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành lịch trình đào tạo năm học 2021-2022 của Trường Đại học Giáo dục;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo năm thứ nhất áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa QH-2021-S thuộc các nhóm ngành/ngành: Nhóm ngành Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (GD1); Nhóm ngành Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý (GD2); Nhóm ngành Khoa học Giáo dục và khác (GD3); Ngành Giáo dục Tiểu học (GD4); Ngành Giáo dục Mầm non (GD5).

Điều 2. Các ông/bà Trường phòng chức năng, Chủ nhiệm Khoa, sinh viên khóa QH-2021-S và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

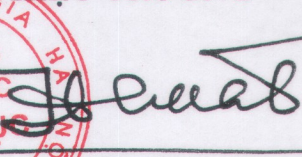
Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT (10).

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG




PGS. TS. Phạm Văn Thuận

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM THỨ NHẤT KHÓA QH-2021-S

NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số 1601/QĐ-ĐHGD ngày 15/9/2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục)

1. Thời gian học

- **Xác nhận nhập học và nhập học:** Từ 16/09/2021 đến 30/09/2021.
- **Học kỳ 1:** Bắt đầu từ 04/10/2021 đến 23/01/2022 (15 tuần chính thức và 01 tuần dự phòng).
- **Thi kết thúc học kỳ 1:** Từ 24/01/2022 đến 28/01/2022 và 14/02/2022 đến 18/02/2022.
- **Nghỉ tết Nguyên đán 2022:** Từ 29/01/2022 đến 12/02/2022.
- **Học kỳ 2:** Bắt đầu từ 21/02/2022 đến 19/6/2022 (15 tuần chính thức và 02 tuần dự phòng).
- **Thi kết thúc học kỳ 2:** Từ 20/6/2022 đến 03/7/2022.
- **Học kỳ hè, kỳ phụ:** Dự kiến tháng 7, 8/2022.

2. Các học phần giảng dạy trong năm học 2021 - 2022

2.1. Nhóm ngành Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (mã nhóm ngành: GD1; mã khoá học QHS.21.GD1; số sinh viên dự kiến: 300)

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1 (17 tín chỉ)					
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3		
2	MAT1091	Giải tích 1 <i>Analysis I</i>	3		môn phân ngành SPTH
3	CHE1051	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry I</i>	3		môn phân ngành SPHH
4	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3		
5	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction to Education Technology</i>	2		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
6	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2		
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ 2 (24 tín chỉ)					
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism - Leninism Politic Economy</i>	2	PHI1006	
2	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục <i>Application of ICT in education</i>	3	EDT2001	
3	PSE2008	Tâm lý học giáo dục <i>Education psychology</i>	4		
4	BIO1061	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>	3		môn phân ngành SPSH
5	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3		
6	PHY1100	Cơ-Nhiệt <i>Mechanics - Thermodynamics</i>	3		môn phân ngành SPVL
7	FLF3201	Ngoại ngữ B1 <i>Foreign language B1</i>	5		
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ hè (8 tín chỉ)					
1		Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8		
2		Các học phần học kỳ hè học lại, học cải thiện (nếu có)			
Học phần diễn ra trong 8 học kỳ					
1	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục	4	diễn ra trong 8 học kỳ; điểm thành phần, điểm	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
		<i>Ethics of Educator</i>			rèn luyện ghi nhận trong từng học kỳ; điểm học phần ghi nhận ở học kỳ 8

2.2. Nhóm ngành Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý (mã nhóm ngành: GD2; mã khoá học: QHS.21.GD2; số sinh viên dự kiến: 200)

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1 (17 tín chỉ)					
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3		
2	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>	3		môn phân ngành SPNV
3	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3		môn phân ngành SPLS
4	PSE2008	Tâm lí học giáo dục <i>Education psychology</i>	4		
5	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3		
6		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ 2 (23 tín chỉ)					
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism - Leninism Politic Economy</i>	2	PHI1006	
2	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction to Education Technology</i>	2		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
3	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3		
4	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	2		
5	TMT4013	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam <i>Socio-Economic geography of Viet Nam</i>	3		môn phân ngành SPLS&ĐL
6	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction to applied statistics in education</i>	3		
7	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2		
8	FLF2301	Ngoại ngữ B1 <i>Foreign language B1</i>	5		
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ hè (8 tín chỉ)					
1		Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8		
2		Các học phần học kỳ hè học lại, học cải thiện (nếu có)			
Học phần diễn ra trong 8 học kỳ					
1	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Ethics of Educator</i>	4	diễn ra trong 8 học kỳ; điểm thành phần, điểm rèn luyện ghi nhận trong từng học kỳ; điểm học phần ghi nhận ở học kỳ 8	

2.3. Nhóm ngành Khoa học Giáo dục và khác mã nhóm ngành: GD3; mã khoa học: QHS.21.GD3; số sinh viên dự kiến: 250)

<i>TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Số TC</i>	<i>Học phần tiên quyết</i>	<i>Ghi chú</i>
Học kỳ 1 (15 tín chỉ)					
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3		
2	PSE2008	Tâm lí học giáo dục <i>Education psychology</i>	4		môn phân ngành TVHĐ
3	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction to Education Technology</i>	2		môn phân ngành QTCNGD
4	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	2		môn phân ngành QTTH
5	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction to applied statistics in education</i>	3		
6		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ 2 (21 tín chỉ)					
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism - Leninism Politic Economy</i>	2	PHI1006	
2	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2		
3	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục <i>Application of ICT in education</i>	3	EDT2001	
4	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3		
5	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	2		môn

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
		<i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>			phân ngành QTCLGD
6	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3		môn phân ngành KHGD
7	FLF2103	Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5		
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ phụ (8 tín chỉ)					
1		Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8		
2		Các học phần học kỳ hè học lại, học cải thiện (nếu có)			
Học phần diễn ra trong 8 học kỳ					
1	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Ethics of Educator</i>	4	diễn ra trong 8 học kỳ; điểm thành phần, điểm rèn luyện ghi nhận trong từng học kỳ; điểm học phần ghi nhận ở học kỳ 8	

2.4. Ngành Giáo dục Tiểu học (mã ngành: GD4; mã khoá học: QHS.21.GD4; số sinh viên dự kiến: 140)

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1 (19 tín chỉ)					
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3		
2	PSE2026	Tâm lý học đại cương <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3		
3	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3		

<i>TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Số TC</i>	<i>Học phần tiên quyết</i>	<i>Ghi chú</i>
4	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3		
5	TMT3020	Cơ sở tiếng Việt 1 <i>Vietnamese 1</i>	3		
6	TMT3023	Cơ sở Toán học 1 <i>Mathematics 1</i>	3		
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ 2 (22 tín chỉ)					
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism - Leninism Politic Economy</i>	2	PHI1006	
2	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2		
3	PSE2027	Tâm lí học phát triển lứa tuổi tiểu học <i>Development Psychology at Elementary school</i>	3		
4	TMT3021	Cơ sở tiếng Việt 2 <i>Vietnamese 2</i>	3	TMT3020	
5	TMT3024	Cơ sở Toán học 2 <i>Mathematics 2</i>	3	TMT3023	
6	TMT3025	Cơ sở khoa học tự nhiên <i>Natural Sciences Foundation</i>	3		
7	FLF2103	Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5		
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ phụ (8 tín chỉ)					
1		Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
2		Các học phần học kỳ hè học lại, học cải thiện (nếu có)			
Học phần diễn ra trong 8 học kỳ					
1	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Ethics of Educator</i>	4	diễn ra trong 8 học kỳ; điểm thành phần, điểm rèn luyện ghi nhận trong từng học kỳ; điểm học phần ghi nhận ở học kỳ 8	

2.5. Ngành Giáo dục Mầm non (Mã ngành: GD5; mã khoá học: QHS.21.GD5; Số sinh viên dự kiến: 100)

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1 (18 tín chỉ)					
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3		
2	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction to Education Technology</i>	2		
3	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3		
4	PSE2026	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	3		
5	TMT2056	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành <i>Vietnamese and Vietnamese Practice</i>	3		
6	PSE3004	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non <i>Childhood & preschool physiology</i>	3		
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ 2 (24 tín chỉ)					
1	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism - Leninism Politic Economy</i>	2		

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học phần tiên quyết	Ghi chú
2	EDT2002	Ứng dụng ICT trong giáo dục <i>Application of ICT in education</i>	3		
3	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction to applied statistics in education</i>	3		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2		
5	PSE3002	Tâm lý học lứa tuổi mầm non <i>Psychology of preschool age</i>	3		
6	PSE2031	Giáo dục học mầm non <i>Early childhood education</i>	3		
7	PSE3016	Bệnh trẻ em <i>Child disease</i>	2		
8	FLF2103	Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5		
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	1		
Học kỳ phụ (8 tín chỉ)					
1		Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8		
		Các học phần học kỳ hè học lại, học cải thiện (nếu có)			
Học phần diễn ra trong 8 học kỳ					
1	TMT3012	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Ethics of Educator</i>	4	điểm thành phần, điểm rèn luyện ghi nhận trong từng học kỳ; điểm học phần ghi nhận ở học kỳ 8	